

HDB - Tăng trưởng lợi nhuận mạnh nhờ đóng góp của các công ty con; chất lượng tài sản là điểm cần theo dõi - Báo cáo KQKD

Doanh Nghiệp • 31/07/2026

Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDB) đã ghi nhận tổng thu nhập hoạt động (TOI) hợp nhất 6T 2026 đạt 22,7 nghìn tỷ đồng (863 triệu USD; +9% YoY) và LNTT đạt 13,2 nghìn tỷ đồng (501 triệu USD; +31% YoY), cao hơn nhẹ so với dự báo của chúng tôi. Tăng trưởng lợi nhuận tăng tốc trong quý 2, với LNTT đạt 7,1 nghìn tỷ đồng (+51% YoY; +16% QoQ), nhờ tăng trưởng tín dụng mạnh, NIM cải thiện, chi phí dự phòng giảm và đóng góp cao hơn từ các công ty con. Tuy nhiên, chất lượng tài sản vẫn là yếu tố cần theo dõi chính để đánh giá tính bền vững của tăng trưởng lợi nhuận.

- **Tăng trưởng tín dụng tiếp tục duy trì ở mức cao trong 6T 2026**, trong đó tín dụng tại ngân hàng mẹ tăng 18%, cao hơn đáng kể so với mức tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống là 8,5%. Tăng trưởng diễn ra trên diện rộng, dẫn dắt bởi cho vay liên quan đến hộ gia đình (+21%), lĩnh vực bán buôn và bán lẻ (+14%), xây dựng (+24%) và BĐS (+12%). Dự nợ trái phiếu doanh nghiệp tăng 14% trong cùng kỳ và chiếm khoảng 3% tổng tín dụng.
- **Tăng trưởng nguồn vốn nhìn chung theo kịp tăng trưởng cho vay, qua đó duy trì thanh khoản dồi dào.** Tiền gửi hợp nhất tăng 20,2%, trong khi giấy tờ có giá tăng 24%. Tỷ lệ CASA nhích tăng 0,7 điểm % QoQ, lên 11,1%, nhưng vẫn tương đối thấp so với các ngân hàng cùng ngành, cho thấy chi phí vốn tiếp tục chịu áp lực. Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) trong quý 2/2026 đạt trên 14%, thuộc топ đầu ngành, trong khi tỷ lệ cho vay/huy động (LDR) đạt 72% (+3 điểm % QoQ), thấp hơn đáng kể so với mức trần quy định là 85% và vẫn ở mức thấp so với các ngân hàng cùng ngành. Cả NSFR và LCR theo Basel III đều đạt trên 100%.
- **NIM cải thiện QoQ.** NIM quý 2/2026 tăng 32 điểm cơ bản QoQ, chúng tôi cho rằng chủ yếu nhờ tác động tích cực từ việc tái định giá lợi suất tài sản, đóng góp cao hơn từ cho vay trung dài hạn và mảng bán lẻ – đặc biệt là cho vay hộ kinh doanh – cũng như việc tiếp tục tối ưu hóa LDR. Ngoài ra, các hoạt động trái phiếu doanh nghiệp tích cực hơn cũng hỗ trợ thu nhập lãi từ đầu tư nợ tăng 76% YoY.
- **Các công ty con đóng góp đáng kể vào lợi nhuận.** Chúng tôi ước tính tổng lợi nhuận đóng góp từ các công ty con đạt khoảng 2,3 nghìn tỷ đồng, tương đương khoảng 17% lợi nhuận hợp nhất trong 6T 2026. Đây là quý đầu tiên HDB hợp nhất KQKD của CTCP Chứng khoán HD, trong đó công ty con này ghi nhận LNTT đạt 1,5 nghìn tỷ đồng (+286% YoY) và ROE đạt 28%. Trong khi đó, HD SAISON ghi nhận LNTT hơn 804 tỷ đồng, với ROE đạt 22%. Chúng tôi ước tính dự nợ của HD SAISON đã tăng gần 7% trong 6T 2026, trong khi tỷ lệ nợ xấu đạt 7,1% (nhìn chung ổn định QoQ và YoY).

- **Khả năng sinh lời tiếp tục thuộc nhóm cao nhất ngành**, với ROE đạt 25% và ROA đạt 2,2%. CIR giảm xuống còn 24,9%, nhờ đẩy mạnh số hóa và nâng cao hiệu quả hoạt động. Các kênh số hiện chiếm trên 94% số lượng giao dịch bán lẻ và đóng góp hơn 60% số khách hàng mới.
- **Chất lượng tài sản suy giảm QoQ**. Tỷ lệ nợ xấu hợp nhất nhích tăng, trong khi nợ nhóm 2 tăng đáng kể trong quý 2. Cụ thể, tỷ lệ nợ xấu hợp nhất đạt 2,79% (+25 điểm cơ bản YoY; +19 điểm cơ bản QoQ), trong khi tỷ lệ nợ nhóm 2 tăng lên 4,70% (+76 điểm cơ bản YoY; +212 điểm cơ bản QoQ). Tỷ lệ bao phủ nợ xấu hợp nhất đạt 50,0% (+2,8 điểm % YoY; đi ngang QoQ).
- Chi phí dự phòng thấp hơn cũng là một động lực quan trọng hỗ trợ lợi nhuận, khi chi phí dự phòng hợp nhất giảm 30% YoY và thấp hơn tiến độ dự báo của chúng tôi. Tuy nhiên, nợ nhóm 2 gia tăng có thể khiến nhu cầu trích lập dự phòng tăng trong nửa cuối năm 2026.

Hình 1: KQKD hợp nhất 6T 2026 của HDB

Tỷ đồng	6T 2025	6T 2026	YoY	Q2 2025	Q2 2026	YoY
Thu nhập lãi ròng (NII)	17.227	18.236	5,9%	9.819	9.753	-0,7%
Thu nhập ngoài lãi (NOII)	3.613	4.448	23,1%	1.817	2.978	63,9%
Thu nhập từ HĐKD	20.840	22.684	8,8%	11.636	12.731	9,4%
Chi phí HĐKD (OPEX)	(5.307)	(5.654)	6,5%	(2.782)	(3.067)	10,2%
LN từ HĐKD trước dự phòng	15.534	17.030	9,6%	8.854	9.664	9,2%
Chi phí dự phòng	(5.466)	(3.828)	-30,0%	(4.141)	(2.570)	-38,0%
LNTT	10.068	13.202	31,1%	4.713	7.095	50,5%
LNST sau lợi ích CĐTS	7.750	10.325	33,2%	3.515	5.559	58,1%
Tăng trưởng cho vay **	14,9%	20,6%	5,7 điểm %	14,0%	9,6%	-4,4 điểm %

Tăng trưởng tiền gửi **	9,4%	20,2%	10,8 điểm %	2,9%	8,4%	5,6 điểm %
NIM	4,99%	3,84%	-115 điểm cb	5,69%	4,11%	-158 điểm cb
Lợi suất tài sản sinh lãi (IEA)	9,55%	9,18%	-38 điểm cb	10,42%	9,96%	-45 điểm cb
Chi phí huy động	4,87%	5,59%	72 điểm cb	5,05%	6,14%	109 điểm cb
Tỷ lệ CASA *	12,4%	11,0%	-1,3 điểm %	12,4%	11,0%	-1,3 điểm %
Tỷ lệ CASA cộng tiền gửi kỳ hạn bằng ngoại tệ	12,5%	11,1%	-1,4 điểm %	12,5%	11,1%	-1,4 điểm %
Tỷ lệ chi phí/thu nhập (CIR)	25,5%	24,9%	-0,5 điểm %	23,9%	24,1%	0,2 điểm %
Nợ xấu/Tổng dư nợ	2,54%	2,79%	25 điểm cb	2,54%	2,79%	25 điểm cb
Nợ Nhóm 2/Tổng dư nợ	3,94%	4,70%	76 điểm cb	3,94%	4,70%	76 điểm cb
Lãi dự thu/tài sản sinh lãi	0,96%	0,90%	-6 điểm cb	0,96%	0,90%	-6 điểm cb

Nguồn: HDB, Vietcap – *Số dư CASA bao gồm tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi kỳ quỹ; **Tăng trưởng cho vay và tiền gửi trong quý 2/2025 và quý 2/2026 là mức tăng QoQ; tăng trưởng cho vay và tiền gửi trong 6T 2025 và 6T 2026 là mức tăng trong nửa đầu năm.

Hình 2: KQKD riêng lẻ 6T 2026 của HDB

Tỷ đồng	6T 2025	6T 2026	YoY	Q2 2025	Q2 2026	YoY
Thu nhập lãi ròng (NII)	14.402	14.867	3,2%	8.395	7.966	-5,1%
Thu nhập ngoài lãi (NOII)	2.951	2.348	-20,4%	1.458	1.226	-15,9%
Thu nhập từ HĐKD	17.353	17.215	-0,8%	9.854	9.192	-6,7%
Chi phí HĐKD (OPEX)	(4.073)	(4.270)	4,8%	(2.176)	(2.401)	10,3%
LN từ HĐKD trước dự phòng	13.280	12.945	-2,5%	7.678	6.792	-11,5%
Chi phí dự phòng	(4.012)	(2.025)	-49,5%	(3.436)	(1.554)	-54,8%
LNTT	9.268	10.920	17,8%	4.242	5.237	23,5%
LNST sau lợi ích CĐTS	7.374	8.724	18,3%	3.286	4.178	27,2%
Tăng trưởng cho vay **	15,5%	19,7%	4,3 điểm %	14,5%	8,8%	-5,7 điểm %
Tăng trưởng tiền gửi **	9,4%	20,3%	10,9 điểm %	2,9%	8,5%	5,6 điểm %
NIM	4,26%	3,20%	-106 điểm cb	4,96%	3,42%	-154 điểm cb
Lợi suất tài sản sinh lãi (IEA)	8,83%	8,55%	-27 điểm cb	9,70%	9,31%	-39 điểm cb

Chi phí huy động	4,85%	5,58%	73 điểm cb	5,02%	6,12%	110 điểm cb
Tỷ lệ CASA *	12,4%	11,1%	-1,3 điểm %	12,4%	11,1%	-1,3 điểm %
Tỷ lệ CASA cộng tiền gửi kỳ hạn bằng ngoại tệ	12,5%	11,1%	-1,4 điểm %	12,5%	11,1%	-1,4 điểm %
Tỷ lệ chi phí/thu nhập (CIR)	23,5%	24,8%	1,3 điểm %	22,1%	26,1%	4,0 điểm %
Nợ xấu/Tổng dư nợ	2,36%	2,64%	28 điểm cb	2,36%	2,64%	28 điểm cb
Nợ Nhóm 2/Tổng dư nợ	3,82%	4,59%	77 điểm cb	3,82%	4,59%	77 điểm cb
Lãi dự thu/tài sản sinh lãi	0,93%	0,90%	-3 điểm cb	0,93%	0,90%	-3 điểm cb

Nguồn: HDB, Vietcap – *Số dư CASA bao gồm tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi kỳ quỹ; **Tăng trưởng cho vay và tiền gửi trong quý 2/2025 và quý 2/2026 là mức tăng QoQ; tăng trưởng cho vay và tiền gửi trong 6T 2025 và 6T 2026 là mức tăng trong sáu tháng.